

Số: 12/2018/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 21 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú tại xóm 10 C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Văn D sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú xóm 10 C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị T sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú tại xóm 10 C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Anh Trần Văn D sinh năm 1987; địa chỉ xóm 10 C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị T và anh D cùng trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần An N sinh ngày 19/7/2014; chị T và anh D thỏa thuận giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nhiên trưởng

thành, anh D không phải dưỡng nuôi con chung cho chị T, chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu N.

Anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị T và anh D có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu N; chị T không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc cháu N.

Về tài sản chung: Cả chị T và anh D cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị T và anh D thỏa thuận, chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001739 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực